

HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT BÌNH HỒ

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

SỐ: 03/HTXTSTPH/2026

**Tên sản phẩm: Giọt mật núi rừng**

**Hồ sơ gồm có:**

Bản tự công bố sản phẩm

Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

Phiếu kết quả kiểm nghiệm

## NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** Giọt mật núi rừng

**Thành phần:** 100% mật ong nguyên chất

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

**- Hướng dẫn sử dụng:**

Sử dụng trực tiếp, pha với nước ấm, hoặc dùng cùng trà

**Bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát tránh ánh nắng trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:**

Không sử dụng sản phẩm có màu, mùi lạ.

Không sử dụng sản phẩm cho trẻ em dưới 1 tuổi.

**Thời hạn sử dụng:** in trên bao bì sản phẩm.

**Ngày sản xuất:** in trên bao bì sản phẩm.

**Khối lượng tịnh:** 375ml

**Sản phẩm của:** HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT PHÌNH HỒ

**Địa chỉ:** Thôn Tà Chừ, Xã Phình Hồ, Tỉnh Lào Cai

**Xuất xứ:** Việt Nam



PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
TỈNH LÀO CAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 03/HTXTSTPH/2026**

**I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:**

Thương nhân: **HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT PHÌNH HỒ**

Địa chỉ: Thôn Tà Chừ, Xã Phình Hồ, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Điện thoại: 0385995988

Mã số doanh nghiệp: 5200939702

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo TCVN 5603:2023 (CAC/RCP 1-1969, Rev.2022-HACCP) Số VCA.1846.4A

Ngày cấp: 27/6/2025

Nơi cấp: Công ty cổ phần chứng nhận VCA

**II. Thông tin sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm: Giọt mật núi rừng**

**2. Thành phần: 100% mật ong nguyên chất**

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng ghi tại bao bì của sản phẩm.**

- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Tháng/năm (MM/YYYY)

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

- Chất liệu bao bì: Hũ thủy tinh

- Quy cách đóng gói: 375ml/hũ. Quy cách đóng gói có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: (Trường hợp thuê cơ sở sản xuất)**

**III. Mẫu nhãn sản phẩm: (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

## HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT PHÌNH HỒ

Thôn Tà Chừ, Xã Phình Hồ, Tỉnh Lào Cai

### BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT ÁP DỤNG CHO SẢN PHẨM: Giọt mật núi rừng Số tự công bố: 03/HTXTSTPH/2026

#### 1. Hàm lượng kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/l	1
2	Cadimi (Cd)	mg/l	1
3	Chì (Pb)	mg/l	2
4	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0.05

#### 2. Các chỉ tiêu khác

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng nước	%	23%
2	Đường khử (tổng hàm lượng đường glucose và fructose) Không nhỏ hơn	g/100g	45g/100g
3	Hàm lượng HMF Không lớn hơn	mg/100g	40mg
4	Hàm lượng Diastaza Không nhỏ hơn	Scahde	12.5

Lào Cai, Ngày 1 tháng 1 năm 2025

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC

*Đỗ Xuân Lương*

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- TCVN 12605:2019 về mật ong
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Lào Cai, ngày 1 tháng 1 năm 2026

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên & đóng dấu)  
HỢP TÁC XÃ  
TRÀ  
SHAN TUYẾT  
PHÌNH HỒ  
CHỦ TỊCH HĐQT-GIÁM ĐỐC  
*Đỗ Tuấn Lương*



Mã số/ Code: DV142411447/01

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT BÌNH HỒ
2. Địa chỉ/ Address : Thôn Tà Chử, Xã Bình Hồ, Tỉnh Lào Cai
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Giọt mật núi rừng
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong chai, nắp kín, thể tích: 300mL/chai, số lượng: 01 chai
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 27/11/2025
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 27/11/2025-10/12/2025
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 10/12/2025

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Hàm lượng nước	%	23	TCVN 5263:1990
2	Đường khử	g/100g	64,43	TCVN 5266: 1990
3	Hàm lượng Hydroxymethylfurfural (HMF) *	mg/100g	KPH (LOD = 0,15)	TCVN 5270:2008
4	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận VIMCERTS đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTST**  
**VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION**

Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiêu thụ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
 Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vnstest.vn - Website: www.vnstest.vn



Mã số/ Code: DV142411447/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**VIỆN TRƯỞNG**  
**DIRECTOR**



**THS. TRỊNH CÔNG SƠN**



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTST/ This report will not be reproduced or republished without VNTST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.